

Số: 3b/2015/TC-KT

V/v: Giải trình số liệu Báo cáo Tài chính hợp nhất
quý III/2015 với quý III/2014.

-----000-----

Thái bình, ngày 06 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng.

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 1.6, Điều 11, Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh hợp nhất giữa quý III/2015 (Kỳ báo cáo) và báo cáo quý III/2014 như sau:

STT	Nội dung	Quý III/2015	Quý III/2014	Thay đổi + (%) giữa QIII/2015 so với QIII/2014
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	20,086,563,730	6,948,318,407	
	Doanh thu hoạt động chính	20,085,918,492	6,948,318,407	289%
	Doanh thu hoạt động tài chính	645,238	89,594	720%
2	Tổng chi phí	17,858,756,428	6,755,317,314	
	Giá vốn hàng bán	16,476,557,411	6,099,186,804	270%
	Chi phí bán hàng	466,040,326	277,410,745	168%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	916,158,691	378,719,765	242%
3	Lợi nhuận trước thuế	2,227,807,302	61,110,193	1154%
4	Lợi nhuận sau thuế	1,737,689,696	131,980,494	1317%

1. Giải trình chênh lệch doanh thu

Doanh thu hoạt động chính quý III/2015 tăng 408% so với quý III/2014 nguyên nhân do:

Doanh thu quý III/2015 Công ty mẹ có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ hoạt động năm trước (như đã giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ giữa quý III/2015 và quý III/2014).

Trong quý III/2015, Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty con TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình đã đóng góp doanh thu đáng kể cho Công ty. Đặc biệt là Nhà máy gạch Tuynel đã đi vào hoạt động ổn định và Công ty nhận được nhiều đơn hàng cung cấp gạch có giá trị lớn như: Dự án nhà máy thủy điện Trung Sơn tỉnh Thanh Hóa; Công trình thuộc trung tâm hành chính huyện Vân Hồ Sơn La (là huyện mới tách ra từ huyện Mộc Châu) và công trình dân dụng trong khu vực...

Doanh thu hoạt động tài chính quý III/2015 tăng 720% so với quý III/2014.

2. Giải trình chênh lệch chi phí

Giá vốn hàng bán quý III/2015 tăng 270% so với quý III/2014 nguyên nhân do: Doanh thu quý III/2015 tăng nên dẫn đến giá vốn hàng bán tăng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý III/2015 tăng 242% so với quý III/2014 nguyên nhân do: Quý III/2015 Công ty đầu tư thêm hệ thống phần mềm, trang thiết bị máy móc, bàn ghế phục vụ tốt hơn cho việc quản lý kinh doanh của công ty.

Chi phí bán hàng quý III/2015 tăng 168% so với quý III/2014 nguyên nhân do: Công ty tiếp tục chế độ hậu mãi chờ hàng đến tận công trình cho khách hàng dẫn đến chi phí bán hàng tăng.

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế quý III/2015 tăng 1154% so với quý III/2014 nguyên nhân do: Quý III/2015 Doanh thu thuần tăng, giá vốn hàng bán tăng làm lợi nhuận trước và sau thuế tăng.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh hợp nhất quý III/2015 so với quý III/2014 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

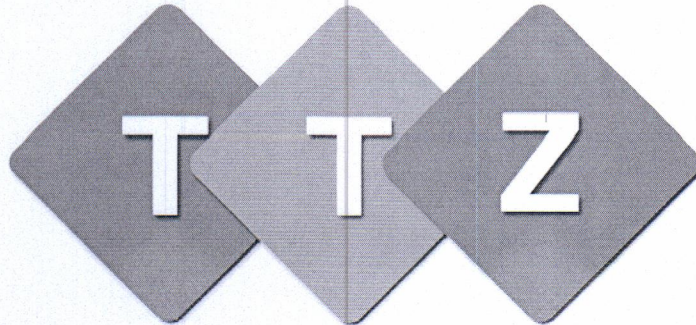
- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIÊN TRUNG**



GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Quý

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2015

Thái Bình, tháng 10 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2- 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12 – 14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 – 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Qué	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2015.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
QUÝ III. 2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56,747,378,499	48,000,912,390
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,730,958,070	2,275,975,653
1. Tiền	111		2,730,958,070	2,275,975,653
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24,047,863,903	23,666,464,823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		16,311,789,492	4,525,664,823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7,386,624,413	15,490,800,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1,000,000,000	3,650,000,000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(650,550,002)	-
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		28,287,556,090	21,000,051,082

1. Hàng tồn kho	141	28,287,556,090	21,000,051,082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1,681,000,436	1,058,420,832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1,476,901,743	632,654,113
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	204,098,693	425,766,719
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	15,809,978,038	15,362,817,046
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	15,809,978,038	15,362,817,046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15,809,978,038	15,362,817,046
- Nguyên giá	222	21,436,036,897	20,102,740,928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(5,626,058,859)	(4,739,923,882)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225		

			-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-

TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	72,557,356,537	63,363,729,436
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	11,950,798,371	7,707,927,395
I. Nợ ngắn hạn	310	11,950,798,371	7,707,927,395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4,503,987,662	6,281,703,953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4,958,745,967	555,106,596
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	2,254,639,797	802,505,186
4. Phải trả người lao động	314	81,000,000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	152,424,945	68,611,660
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-

5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	60,606,558,166	55,655,802,041
I. Vốn chủ sở hữu	410	60,606,558,166	55,655,802,041
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	52,500,000,000	52,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	52,500,000,000	52,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-

			-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8,106,558,166	3,155,802,041
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,351,500,056	2,436,896,672
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,755,058,110	718,905,369
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72,557,356,537	63,363,729,436

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)



Hoàng Văn Ty

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Hằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ III.2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		20,085,918,492	6,948,318,407	47,696,788,443	16,297,388,922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		20,085,918,492	6,948,318,407	47,696,788,443	16,297,388,922
4. Giá vốn hàng bán	11		16,476,557,411	6,099,186,804	36,463,309,860	13,642,680,404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3,609,361,081	849,131,603	11,233,478,583	2,654,708,518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		645,238	89,594	819,742	1,031,100
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		466,040,326	277,410,745	1,358,929,526	757,686,909
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		916,158,691	378,719,765	3,703,430,276	1,358,092,456
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		2,227,807,302	193,090,687	6,171,938,523	539,960,253

12. Thu nhập khác	31	-	-	100,000,000	-
13. Chi phí khác	32	-	-	175,710,178	-
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	-	-	(75,710,178)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	2,227,807,302	193,090,687	6,096,228,345	539,960,253
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	490,117,606	61,110,193	1,341,170,235	178,984,009
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	1,737,689,696	131,980,494	4,755,058,110	360,976,244
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	-	-	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-	-	-

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC**Hoàng Văn Ty****KẾ TOÁN TRƯỞNG**
Vũ Thị Hằng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - PPGT
QUÝ III.2015**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6,096,228,345	606,659,401
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		886,134,977	1,248,430,904
- Các khoản dự phòng	03		650,550,002	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(100,000,000)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7,532,913,324	1,855,090,305
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,955,753,276)	(18,237,237,915)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7,287,505,008)	(1,102,280,121)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4,242,870,976	5,372,569,339
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(844,247,630)	161,545,972
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-

- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,688,278,386	(11,950,312,420)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,333,295,969)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,233,295,969)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	17,500,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	17,500,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		454,982,417	5,549,687,580

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,275,975,653	1,154,351,410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2,730,958,070	6,704,038,990

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Hằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiên Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần(VNĐ)</u>	<u>Tỷ Lệ(%)</u>
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<u>Công</u>	<u>1.745.400</u>	<u>17.454.000.000</u>	<u>49,87</u>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2015 là 144 người (tại 31/12/2014 là 144 người).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát..., sản xuất đá xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty con là:

Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đạc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hóa học và các sản phẩm công nghiệp; sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa; sản xuất đồ nội thất bằng gốm; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (công ty Mẹ) và báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình (công ty Con) do Công ty kiểm soát 100% được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30/09/2015 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 -15
Máy móc thiết bị	11-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	3-10

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Tiền mặt	2.720.004.674	2.268.670.377
Tiền gửi ngân hàng	10.953.396	7.305.276
	<u>2.730.958.070</u>	<u>2.275.975.653</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Công ty cổ phần ĐTXD và thiết kế Phú Thăng Long	272.114.500	1.493.787.500
Công ty TNHH Long triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty cổ phần xây lắp Tây Sơn	232.964.620	232.964.620
Công ty TNHH Thiên An Sơn	3.688.513.439	460.138.719
Công ty cổ phần Đầu tư Tân Phú	131.616.903	201.586.103
Các đối tượng khác	11.986.550.030	836.087.878
	<u>16.311.789.492</u>	<u>4.525.664.823</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.193.694.785	1.506.424.211
Hàng hóa	14.600.777.313	4.429.203.656
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.493.083.992	15.064.423.215
	<u>28.287.556.090</u>	<u>21.000.051.082</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
CÔNG	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG			
	Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình			



	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	12.041.188.295	2.876.147.186	5.381.103.462	20.102.740.928
Mua trong năm	-	-	1.479.545.454	1.479.545.454
Ghi tăng do XDCB	-	-	-	-
Thanh lý tài sản	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
Tại ngày 30/09/2015	12.041.188.295	2.876.147.186	6.518.701.416	21.436.036.897
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại ngày 01/01/2015	1.488.929.751	1.284.040.556	1.966.953.572	4.732.942.147
Khấu hao trong kỳ	481.141.449	189.925.287	387.305.563	1.058.372.299
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(166.237.322)	(166.237.322)
Tại ngày 30/09/2015	1.970.071.200	1.467.965.843	2.188.021.813	5.626.058.856
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	1.481.948.019	1.284.040.556	1.966.953.572	4.732.942.147
Tại ngày 30/09/2015	10.071.117.095	1.408.181.343	4.330.679.603	14.699.696.440

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH thương mại và vận tải Thái Thiện	-	1.651.660.895
Công ty TNHH Hiền Anh	543.219.300	1.050.069.300
Công ty TNHH Thép Hoàng Đạo	-	1.099.954.878
Công ty CP NXXK và vận tải Bình Minh	204.171.000	-
Khác	3.756.597.362	1.290.808.880
	4.503.987.662	6.281.703.953

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	93.786.863	182.247.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.156.276.093	615.681.191
Thuế TNCN	4.576.841	4.576.841
	2.254.639.797	802.505.186

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư ngày 01/01/2015	52.500.000.000	3.351.500.056	55.851.500.056
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
- Lãi kinh doanh	-	4.755.058.110	4.755.058.110
- Tăng khác	-	-	-
Số dư ngày 30/09/2015	<u>52.500.000.000</u>	<u>8.106.558.166</u>	<u>60.606.558.166</u>

Vốn điều lệ

	Tỷ lệ %	Vốn đã góp tại Cuối kỳ	Vốn đã góp tại Đầu kỳ
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoàng Văn Ty	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Xuân Khoa	17,1%	9.000.000.000	9.000.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	9,5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mến	5,2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	4,8%	2.500.000.000	2.500.000.000
Nguyễn Văn Nam	4,6%	2.400.000.000	2.400.000.000
Nguyễn Thị Linh	3,8%	2.000.000.000	2.000.000.000
Vũ Văn Vân	3,0%	1.600.000.000	1.600.000.000
Đặng Ngọc Thông	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	33,4%	17.456.000.000	17.456.000.000
	<u>100%</u>	<u>52.500.000.000</u>	<u>52.500.000.000</u>

11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III/2015	Quý III/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	13.624.896.930	5.663.396.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.461.021.562	1.284.922.134
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	<u>20.085.918.492</u>	<u>6.948.318.407</u>

12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Quý III/2015 Quý III/2014

VND

VND

Giá vốn của hàng hóa đã bán

11.866.374.065

5.383.552.641

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

4.610.203.346

715.634.163

16.476.577.411

6.099.186.804

13. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Quý III/2015

Quý III/2014

VND

VND

Lợi nhuận kế toán trước thuế

2.227.807.302

193.090.687

Trừ: Thu nhập không chịu thuế

-

-

Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ

-

-

Thu nhập chịu thuế

2.227.807.302

193.090.687

Thuế suất

22%

22%

Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp

490.117.606

61.110.193

Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn, giảm

-

-

Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

1.737.689.696

131.980.494

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý III/2015 của Công ty.

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Hằng